

Số: 01 /QĐ-MNHMINH

Hải Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán Ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường Mầm non Hải Minh

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-PGDĐT ngày 25/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hậu về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận Văn phòng và Tài chính của trường Mầm non Hải Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách nhà nước năm 2025 của trường Mầm non Hải Minh (theo các biểu số 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận văn phòng, tổ Tài chính và các tổ chuyên môn của trường Mầm non Hải Minh tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- UBND Huyện Hải Hậu
- Lưu VP, Tài chính.

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Huệ

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

- Theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Mầm non Hải Minh

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-MNHMINH ngày 02/01/2025 của Trường Mầm non Hải Minh

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

DVT: đồng

| Số TT | Nội dung | Dự toán được giao |
|-----------|--|----------------------|
| I | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| 1 | Số thu phí, lệ phí | |
| 2 | Chi từ nguồn thu phí được để lại | |
| 3 | Số phí, lệ phí nộp NSNN | |
| II | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 8 288 392 000 |
| 1 | Chi quản lý hành chính | |
| 2 | Nghiên cứu khoa học | |
| 3 | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề | 8 288 392 000 |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 7 859 574 000 |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 428 818 000 |
| 4 | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình | |
| 5 | Chi bảo đảm xã hội | |
| 6 | Chi hoạt động kinh tế | |
| 7 | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường | |
| 8 | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin | |
| 9 | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn | |
| 10 | Chi sự nghiệp thể dục thể thao | |
| 11 | Chi Chương trình mục tiêu | |

Hải Minh ngày 02 tháng 01 năm 2025

KÊ TOÁN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phạm Thị Thu



Ngô Thị Huệ

Số: 882/QĐ-PGDĐT

Hải Hậu, ngày 25 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2025

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HẢI HẬU

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2016; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GDĐT thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng GDĐT thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Hải Hậu ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hậu;

Căn cứ Quyết định số 9828/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND huyện Hải Hậu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ quyết định số 9829/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND huyện Hải Hậu về việc Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn huyện Hải Hậu;

Căn cứ Kế hoạch 86/KH-UBND ngày 25/8/2021 của UBND huyện Hải Hậu về Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ vào việc phê duyệt của UBND huyện tại Tờ trình số 870/TTr-PGDĐT ngày 23/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hậu về việc đề nghị phê duyệt phương án hỗ trợ kinh phí các trường xây dựng chuẩn quốc gia, mô hình giáo dục thể chất năm 2025;

Căn cứ vào việc phê duyệt của UBND huyện tại Tờ trình số 871/TTr-PGDĐT ngày 23/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Hậu về việc đề nghị phê duyệt dự toán chi hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo đơn vị dự toán Phòng Giáo dục và Đào tạo năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 79/TB-TCKH ngày 23/12/2024 của Phòng Tài chính – Kế hoạch về việc thẩm định phân bổ dự toán chi Ngân sách sự nghiệp giáo dục năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc trong ngành giáo dục Hải Hậu;

Căn cứ Phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 đã được UBND huyện phê duyệt tại Tờ trình số 876/TTr-PGDĐT ngày 24/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH


Điều 1. Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo Hải Hậu (*chi tiết theo biểu đính kèm*).

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện; (để báo cáo)
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Kho bạc nhà nước huyện;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT; TC.

TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Thế Hưng

PHỤ LỤC SỐ 02 – SỐ 19
GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

ĐƠN VỊ: Trường Mầm non Hải Minh

(Kèm theo Quyết định số 882/QĐ-PGDĐT ngày 25/12/2024 của phòng Giáo dục và đào tạo huyện Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1129448

Chương: 622

Khoản: 071



Đvt: đồng

| NỘI DUNG | SỐ TIỀN |
|---|---------------|
| I. TỔNG SỐ THU-CHI HỌC PHÍ | 613.170.000 |
| 37. Số thu học phí | 613.170.000 |
| 38. Số chi học phí: | 613.170.000 |
| - Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%) | 245.268.000 |
| - Chi thường xuyên tại đơn vị (60%) | 367.902.000 |
| II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025 | 8.288.392.000 |
| 1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12) | 25.000.000 |
| - Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ... | 25.000.000 |
| - Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia | - |
| - Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất | - |
| 2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13) | 7.859.574.000 |
| - Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng | 7.548.974.000 |
| - Chi cho các hoạt động thường xuyên | 221.400.000 |
| - Chi nâng bậc lương cho viên chức | 44.000.000 |
| - Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng | 35.200.000 |
| - Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) | 10.000.000 |
| 3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18) | 403.818.000 |

Ghi chú:

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024;
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (**tăng cấp thêm, giảm thì thu lại**):
 - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của Nhà nước;
 - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền);
 - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
 - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác.



PHỤ LỤC

GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

ĐƠN VỊ: Trường Mầm non Hải Minh

(Kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 22/8/2025 của UBND xã Hải Anh)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1129448

Chương: 822

Khoản: 071

Đvt: đồng

| NỘI DUNG | SỐ TIỀN |
|---|----------------------|
| I. TỔNG SỐ THU-CHI HỌC PHÍ | 613.170.000 |
| 1. Số thu học phí | 613.170.000 |
| 2. Số chi học phí: | 613.170.000 |
| - Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%) | 245.268.000 |
| - Chi thường xuyên tại đơn vị (60%) | 367.902.000 |
| II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025 | 8.486.727.000 |
| 1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12) | 96.215.000 |
| - Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ, kinh phí sử dụng các dịch vụ, phần mềm... | 46.215.000 |
| - Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia | - |
| - Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất | 50.000.000 |
| 2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13) | 7.986.694.000 |
| - Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng | 7.721.294.000 |
| - Chi cho các hoạt động thường xuyên | 221.400.000 |
| - Chi nâng bậc lương cho viên chức | 44.000.000 |
| 3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18) | 403.818.000 |